

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 20

Tổ :

Trang 1/1

Mã nhận dạng 00967

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Các ng.lý CB của CN MácLênin - 20-200106

CBGD: Võ Nguyễn Hữu Như

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14113303	THAI THI	BÍCH	DH14NHNT	<i>Thai</i>	2	7.0	6.5	6.7	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14113304	HỒ ĐÌNH	CẢNH	DH14NHNT	<i>Cu</i>	2	6.0	6.0	6.0	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14113305	NGUYỄN THỊ	KIỀU	DH14NHNT	<i>Ku</i>	2	8.0	8.0	8.0	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14113308	DƯƠNG NGỌC	PHƯƠNG	DH14NHNT	<i>Phu</i>	2	9.0	7.0	7.6	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14113309	LÊ THỊ BÍCH	TRÂM	DH14NHNT	<i>Tram</i>	2	8.0	7.0	7.3	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14113310	NGUYỄN KHẮC	TRIỀU	DH14NHNT	<i>Trieu</i>	2	9.0	6.0	6.9	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14113312	NGUYỄN CHÍ	TRƯỜNG	DH14NHNT	<i>Truong</i>	2	7.0	7.0	7.0	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14113313	NGUYỄN CẨM	TÚ	DH14NHNT	<i>Tu</i>	1	6.0	6.0	6.0	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14113425	NGUYỄN KIM	CƠ	DH14NHNT	<i>Kim</i>	2	7.0	6.0	6.3	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14113426	HỒ CHÍ	CUÔNG	DH14NHNT	<i>Hu</i>	2	7.0	5.5	6.0	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14113429	NGUYỄN QUỐC	DUY	DH14NHNT	<i>Duy</i>	1	5.0	6.0	5.7	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14113430	TRẦN NGUYỄN	ĐẠT	DH14NHNT	<i>Dat</i>	1	5.0	3.0	3.6	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14113431	PHÚ VĂN	ĐIỆN	DH14NHNT	<i>Phu</i>	1	5.0	2.0	2.9	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14113433	TRẦN THỊ THANH	HIỀN	DH14NHNT	<i>Thi</i>	2	7.0	6.5	6.1	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14113436	TRỊNH THẾ	HOAN	DH14NHNT	<i>Thi</i>	1	7.0	4.5	5.3	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14113437	LÊ PHAN THANH	HOÀI	DH14NHNT	<i>Phu</i>	2	5.0	6.5	6.1	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14113438	NGUYỄN QUANG	HUY	DH14NHNT	<i>Huy</i>	2	6.0	7.0	6.7	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14113439	VÕ AN	HUY	DH14NHNT	<i>Huy</i>	2	5.0	5.5	5.4	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 20

Tổ :

Trang 2/1

Mã nhận dạng 00967

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Các nguyên lý CB của CN Mác-Lênin - 20-200106

CBGD: Võ Nguyễn Hoài Như

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14113442	ĐÀNG NĂNG HOÀI	LINH	DH14NHNT						6 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14113443	TRẦN ĐÌNH	LONG	DH14NHNT	Long	1	7.0	4.0	4.9	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14113444	NGÔ THÀNH	LUÂN	DH14NHNT	Luân	2	8.0	7.0	6.4	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14113445	QUẢNG THÀNH	LUÂN	DH14NHNT	Thiên	2	5.0	7.5	6.8	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14113446	NGUYỄN THỊ KIM	MIN	DH14NHNT	Kim	2	7.0	7.5	7.4	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14113447	NGUYỄN THỊ	MỸ	DH14NHNT	Như	2	7.0	8.0	7.7	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14113449	LÊ HỮU	NHIỆM	DH14NHNT	Như	2	6.0	7.5	7.1	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14113450	TRẦN VĨNH	PHÁT	DH14NHNT	Phát	1	5.0	6.0	5.7	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14113451	TRẦN VĂN	PHONG	DH14NHNT	Phong	2	7.0	7.0	7.0	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14113452	NGUYỄN ĐẮC	PHÚ	DH14NHNT	Phú	2	7.0	7.0	7.0	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14113453	LÊ CÔNG	PHÚC	DH14NHNT	Phúc	2	7.0	5.0	5.6	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14113454	BÙI VĂN	PHỤNG	DH14NHNT	Phụng	2	7.0	7.5	7.4	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	14113455	NGUYỄN THỊ THÙY	PHƯƠNG	DH14NHNT	Thùy	2	5.0	7.0	6.4	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14113456	NGUYỄN THIÊN	PHƯỚC	DH14NHNT	Phước	1	5.0	5.0	5.0	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14113457	PHAN NHƯ NHẬT	QUYÊN	DH14NHNT	Quỳnh	2	6.0	7.0	6.7	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14113459	NGUYỄN HỮU	SOÀI	DH14NHNT	Sôi	2	6.0	5.5	5.7	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	14113460	TRẦN THỊ THANH	TÂM	DH14NHNT	Tâm	2	6.0	8.0	7.4	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14113461	NGUYỄN VŨ HƯNG	THỐNG	DH14NHNT	Thống	1	5.0	6.5	6.1	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Các ng.lý CB của CN MácLênin - 20-200106

CBGD: Võ Nguyễn Hoài Như

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	14113462	QUẢNG ĐẠI THU	DH14NHNT	<i>Thu</i>	2	7.0		7.5	7.4		
38	14113465	VÕ THỊ KIM TRÂM	DH14NHNT	<i>Kim</i>	2	8.0		7.5	7.7		
39	14113466	NGUYỄN NGÔ XUÂN TRÌNH	DH14NHNT	<i>Xuân</i>	2	6.0		9.0	8.1		
40	14113467	ĐÀN TRUNG TUYẾN	DH14NHNT	<i>Tuyen</i>	1	7.0		6.0	6.3		
41	14113468	ĐỖ THỊ CẨM TÚ	DH14NHNT	<i>Cam</i>	2	7.0		7.0	7.0		
42	14113469	VÕ VĂN TÚ	DH14NHNT	<i>Vu</i>	2	7.0		4.0	4.9		
43	14113470	NGUYỄN VƯƠNG	DH14NHNT	<i>Vuong</i>	2	9.0		8.0	8.3		
44	14113471	NGUYỄN THỊ THÚY VY	DH14NHNT	<i>Thuy</i>	2	7.0		7.0	7.0		
45	14113473	PHAN THỊ MỸ YẾN	DH14NHNT	<i>Yen</i>	2	7.0		6.0	6.3		
46	14113482	NGUYỄN THANH TRÍ	DH14NHNT	<i>Tru</i>	2	5.0		7.0	6.4		

Số lượng vắng: 02 Hiên diện: : 44

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Trang

Nguyễn Anh Hòa Trưởng Khoa

Võ Nguyễn Hoài Như